

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

HỒ SƠ YÊU CẦU

TÊN GÓI THẦU: LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CHO DỰ ÁN NÂNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT GIẤY BÃI BẰNG CÁC LOẠI TỪ 100.000 TẤN/NĂM LÊN 180.000 TẤN/NĂM

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Cao Văn Sơn

Chương I. YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Thông tin tóm tắt về gói thầu

1. Tên bên mời thầu là: Tổng công ty Giấy Việt Nam

Bên mời thầu mời nhà thầu nộp Hồ sơ đề xuất (HSDX) cho gói thầu: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án nâng công suất sản xuất giấy Bãi Bằng các loại từ 100.000 tấn/năm lên 180.000 tấn/năm.

2. Phạm vi công việc:

Nhà thầu thực hiện toàn bộ các công việc tư vấn phục vụ công tác lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho dự án nâng công suất sản xuất giấy Bãi Bằng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và các quy định pháp luật liên quan.

Phạm vi công việc chi tiết được quy định tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 120 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết, nhà thầu phải hoàn thành báo cáo ĐTM và hồ sơ tài liệu liên quan để trình cơ quan quản lý nhà nước xem xét, kiểm tra, thẩm định.

Thời gian trên không bao gồm:

- Thời gian cơ quan nhà nước thẩm định, xử lý hồ sơ;
- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan;
- Thời gian chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;
- Các trường hợp bất khả kháng theo quy định.

5. Thời gian thanh toán:

Thanh toán theo từng đợt:

- Đợt 1: Tạm ứng 30% giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng.
- Đợt 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thiện hồ sơ (Nộp hồ sơ vào Bộ phận 1 cửa, có giấy tiếp nhận hồ sơ).
- Đợt 3: Thanh toán 20% giá trị hợp đồng sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.
- Đợt 4: Thanh toán 10% giá trị hợp đồng còn lại sau khi có Quyết định phê duyệt ĐTM.

6. Địa điểm thực hiện: Tại Tổng công ty Giấy Việt Nam (Xã Phù Ninh – Tỉnh Phú Thọ) và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp HSDX cho gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó có

chức năng, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tư vấn môi trường;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật;

6. Có chức năng hoạt động phù hợp trong lĩnh vực tư vấn môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

7. Có năng lực, kinh nghiệm thực hiện các hồ sơ môi trường cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhà máy hoặc dự án có tính chất tương tự;

8. Có đội ngũ cán bộ chuyên môn, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu; nhân sự chủ trì phải có trình độ chuyên môn phù hợp và kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường.

9. Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm và các điều kiện kỹ thuật cần thiết phục vụ công tác khảo sát, phân tích và lập hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành.

Mục 3. Giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu chào giá trọn gói cho toàn bộ công việc theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.

2. Giá chào phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện và hoàn thành gói thầu theo đúng yêu cầu và quy định pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí nhân công; khảo sát, thu thập số liệu; lấy mẫu, quan trắc, phân tích môi trường; tham vấn cộng đồng; chạy mô hình môi trường; lập các chuyên đề và báo cáo ĐTM; chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; đi lại, lưu trú; làm việc với cơ quan quản lý nhà nước; in ấn, văn phòng phẩm; thuế, phí và các chi phí liên quan khác.

3. Giá chào không bao gồm:

a) Lệ phí thẩm định Báo cáo ĐTM theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chi phí thực hiện quan trắc, phân tích mẫu phục vụ vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường (nếu phát sinh);

c) Chi phí thực hiện bổ sung các mô hình chuyên sâu hoặc khảo sát chuyên đề ngoài phạm vi Hồ sơ yêu cầu theo yêu cầu riêng của cơ quan thẩm định;

d) Các khoản chi phí phát sinh do thay đổi quy mô, công suất, công nghệ hoặc địa điểm thực hiện dự án theo yêu cầu của Chủ đầu tư sau thời điểm ký hợp đồng;

đ) Các khoản phí, lệ phí nhà nước phát sinh theo quy định hiện hành.

4. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá

hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần Hồ sơ đề xuất

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- Có tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự liên quan đến lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho cơ sở sản xuất công nghiệp, nhà máy hoặc dự án có quy mô, tính chất tương đương.

- Nhà thầu phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định phê duyệt chức năng nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc tài liệu pháp lý tương đương; có chức năng hoạt động phù hợp trong lĩnh vực tư vấn môi trường, hoặc lập hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu nhà thầu nộp hồ sơ, tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu pháp luật có quy định).

- Yêu cầu nộp danh sách nhân sự chủ chốt tham gia thực hiện gói thầu; nhân sự chủ trì phải có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực môi trường và có kinh nghiệm thực hiện các hồ sơ môi trường tương tự, đáp ứng tối thiểu các yêu cầu như: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành môi trường, quản lý môi trường, kỹ thuật môi trường hoặc chuyên ngành phù hợp; Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn môi trường; Đã chủ trì hoặc tham gia thực hiện tối thiểu 01 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ môi trường tương tự cho các dự án công nghiệp; Am hiểu quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và thủ tục môi trường liên quan.

- Yêu cầu nộp danh sách thiết bị, phương tiện, phần mềm và điều kiện kỹ thuật phục vụ công tác khảo sát, phân tích và lập hồ sơ môi trường (nếu có).

- Nhà thầu phải nộp báo giá, trong đó nêu rõ giá trị chào thầu, phạm vi công việc, tiến độ thực hiện và các nội dung chi phí liên quan của gói thầu.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 60 ngày kể từ ngày có thời điểm nộp HSDX.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

1. Nhà thầu phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện và phải được đựng trong Phong bì dán kín. Hồ sơ dự thầu được gửi về theo địa chỉ:

- Phòng Vật tư – Tổng công ty Giấy Việt Nam.

- Địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- ĐT: 02103 829637 Fax: 02103 829637

- Địa chỉ Email: vattunguyenlieu@gmail.com

- Thời gian nhận hồ sơ đề xuất: 05 ngày làm việc kể từ ngày đăng HSYC trên trang website: vinapaco.com.vn.

HSDX được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu đánh giá HSDX và mời nhà thầu đến thương thảo để làm rõ các thông tin cần thiết của HSDX.

Mục 7. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX:

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo tiêu chí đạt/không đạt. Nội dung đánh giá bao gồm: Tính hợp lệ và đầy đủ của HSDX theo yêu cầu của HSYC; Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu; Nhân sự và điều kiện kỹ thuật phục vụ thực hiện gói thầu; Giá chào và các nội dung thương mại của HSDX.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ; đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và điều kiện thực hiện gói thầu theo HSYC, có giá chào phù hợp không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Chương II. PHẠM VI YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

Nhà thầu thực hiện toàn bộ các công việc tư vấn cần thiết phục vụ công tác lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án nâng công suất sản xuất giấy Bãi Bằng các loại từ 100.000 tấn/năm lên 180.000 tấn/năm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Nội dung thực hiện bao gồm:

- Khảo sát, thu thập tài liệu, dữ liệu phục vụ lập ĐTM;
- Điều tra, lấy mẫu, quan trắc và phân tích hiện trạng môi trường;
- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường khu vực dự án;
- Đánh giá, dự báo các tác động môi trường trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và vận hành dự án;
- Đề xuất các biện pháp và công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường;
- Thực hiện mô hình lan truyền môi trường nước và khí thải;
- Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường;
- Lập Báo cáo ĐTM tổng hợp và Báo cáo ĐTM tóm tắt;
- Tham gia báo cáo, giải trình, bảo vệ hồ sơ trước Hội đồng thẩm định;
- Chính sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư trong toàn bộ quá trình triển khai, tham gia giải trình, làm việc với cơ quan quản lý nhà nước, chính sửa và hoàn thiện hồ sơ đến khi Báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà thầu chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ nhân sự, thiết bị, phần mềm, phương tiện và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để đảm bảo thực hiện gói thầu đúng tiến độ, chất lượng và quy định pháp luật hiện hành.

Bảng nội dung công việc chi tiết, khối lượng thực hiện, nhân công kèm theo dưới đây chỉ mang tính chất tham khảo nhằm phục vụ việc xác định quy mô, tính chất và phạm vi triển khai của gói thầu. Trong quá trình thực hiện, căn cứ yêu cầu thực tế, yêu cầu của cơ quan thẩm định và điều kiện triển khai dự án, nhà thầu có trách nhiệm chủ động rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thực hiện đầy đủ các công việc cần thiết nhằm đảm bảo hồ sơ đáp ứng yêu cầu pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không giới hạn số lần theo yêu cầu của cơ quan thẩm định cho đến khi Báo cáo ĐTM được phê duyệt mà không được yêu cầu bổ sung chi phí, trừ trường hợp Chủ đầu tư thay đổi quy mô, công suất, công nghệ hoặc phạm vi dự án làm thay đổi cơ bản nội dung hồ sơ ĐTM.

Các khối lượng, nhân công và nội dung công việc nêu trong bảng chỉ mang tính tham khảo phục vụ xác định quy mô, tính chất gói thầu và không làm căn cứ thanh quyết toán theo khối lượng thực tế.

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Chi phí khảo sát, lấy mẫu		
1	Khảo sát hiện trạng, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu (5 đợt)		
	<i>Khảo sát 01 đợt</i>		
-	Công tác phí cho cán bộ đi khảo sát (4 người x 5 ngày)	ngày	20
-	Chi phí thuê phòng nghỉ (4 người x 4 đêm)	đêm	08
-	Thuê xe 7 chỗ	ngày	06
2	Khảo sát lấy mẫu phân tích hiện trạng chất lượng môi trường		
-	Công tác phí cho cán bộ đi khảo sát (4 người x 6 ngày)	ngày	24
-	Chi phí thuê phòng nghỉ (4 người x 5 đêm)	đêm	10
-	Thuê xe 7 chỗ	ngày	06
3	Công tác phí cho cán bộ đi tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân, tổ chức chịu tác động trực tiếp		
-	Công tác phí cho cán bộ đi tham vấn (4 người x 4 ngày)	ngày	16
-	Chi phí thuê phòng nghỉ (4 người x 3 đêm)	đêm	06
-	Thuê xe 5 chỗ	ngày	04
II	Chi phí quan trắc và phân tích chất lượng môi trường		
1	Phân tích chất lượng môi trường nước mặt (04 vị trí x 01 lần)	Mẫu	04
2	Phân tích chất lượng môi trường nước dưới đất (04 vị trí x 01 lần)	Mẫu	04
3	Phân tích chất lượng môi trường không khí (09 vị trí x 01 lần)	Mẫu	09
4	Phân tích mẫu đất (05 vị trí x 01 lần)	Mẫu	05
III	Xây dựng các báo cáo/chuyên đề cho ĐTM		
3.1	Các chuyên đề chung		
1	Tổng hợp thông tin chung bao gồm phân tích xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án đầu tư; các căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM; các Phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM;	Công nhóm 1	15
2	Phân tích, mô tả tóm tắt Quy mô, khối lượng các hạng mục công trình chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án .	Công nhóm 1	15
3	Mô tả tóm tắt nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi	Công	15

	trường: Tóm tắt quy mô các nguồn thải, quy mô các tác động môi trường chính, các công trình biện pháp bảo vệ môi trường, quản lý và giám sát môi trường của dự án	nhóm 1	
3.2	Các chuyên đề về đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và hiện trạng chất lượng môi trường khu vực dự án		
1	Phân tích, đánh giá điều kiện về địa lý, địa chất; khí tượng thủy văn; hiện trạng tài nguyên sinh học khu vực dự án	Công nhóm 1	15
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí khu vực thực hiện dự án	Công nhóm 1	15
3	Phân tích, đánh giá hiện trạng về điều kiện về kinh tế, xã hội khu vực dự án	Công nhóm 1	15
4	Phân tích, đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường; Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm môi trường khu vực thực hiện dự án.	Công nhóm 1	15
3.3	Các chuyên đề về đánh giá, dự báo các tác động môi trường của dự án		
	Giai đoạn chuẩn bị, thi công		
1	Đánh giá, dự báo các tác động của việc chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng các công trình của dự án	Công nhóm 2	15
2	Đánh giá, dự báo các tác động của nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, nước mưa chảy tràn giai đoạn triển khai xây dựng dự án	Công nhóm 2	20
3	Đánh giá, dự báo các tác động môi trường của bụi, khí thải, tiếng ồn, rung động giai đoạn triển khai xây dựng dự án	Công nhóm 2	20
4	Đánh giá, dự báo các tác động của chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 2	20
5	Đánh giá, dự báo tác động của việc thi công xây dựng dự án đến các công trình đang vận hành của Nhà máy.	Công nhóm 2	20
6	Đánh giá, dự báo các tác động của việc thi công xây dựng dự án đến hạ tầng kỹ thuật, giao thông khu vực.	Công nhóm 2	20
7	Đánh giá, dự báo các tác động của việc thi công xây dựng dự án đến kinh tế xã hội, sức khỏe cộng đồng khu vực dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 2	20
8	Đánh giá, dự báo các tác động rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 2	20
	Giai đoạn vận hành		
9	Đánh giá, dự báo các tác động của nước mưa chảy tràn phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 2	20
10	Đánh giá, dự báo các tác động của nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 2	20
11	Đánh giá, dự báo tác động của nước thải sản xuất phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 2	35
12	Đánh giá các tác động, dự báo khả năng tiếp nhận nước thải của dự án khi xả vào các nguồn tiếp nhận	Công nhóm 2	20
13	Đánh giá, dự báo các tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 2	35
14	Đánh giá, dự báo các tác động của chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án.	Công nhóm 2	20
15	Đánh giá dự báo các tác động đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực (ách tắc giao thông, áp lực đến hệ thống cấp điện, cấp	Công nhóm 2	20

	nước,...) và phát triển các dịch vụ thương mại trong giai đoạn vận hành dự án		
16	Đánh giá, dự báo các tác động đến kinh tế xã hội, sức khỏe cộng đồng, an ninh trật tự khu vực trong giai đoạn vận hành dự án	Công nhóm 2	20
17	Đánh giá, dự báo các tác động gây ra bởi các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án	Công nhóm 2	20
3.4	Các chuyên đề về xây dựng, đề xuất các công trình xử lý chất thải, biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường của dự án		
	Giai đoạn chuẩn bị, thi công		
1	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của việc chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.	Công nhóm 3	20
2	Xây dựng, đề xuất các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, nước mưa chảy tràn giai đoạn triển khai xây dựng dự án	Công nhóm 3	20
3	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường của bụi, khí thải, tiếng ồn, rung động phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án	Công nhóm 3	20
4	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 3	20
5	Xây dựng, đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động tới môi trường sinh thái, môi trường đất trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 3	20
6	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động đến các dự án xung quanh của khu vực trong quá trình thi công xây dựng dự án.	Công nhóm 2	20
7	Xây dựng, đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động của việc thi công xây dựng dự án đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông khu vực.	Công nhóm 2	20
8	Xây dựng, đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động của việc thi công xây dựng dự án đến kinh tế xã hội khu vực dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 2	20
9	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó các tác động rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.	Công nhóm 2	20
	Giai đoạn vận hành		
10	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 2	20
11	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 2	20
12	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sản xuất trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 3	35
13	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến các nguồn tiếp nhận nước thải của dự án giai đoạn vận hành.	Công nhóm 3	20
14	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án.	Công nhóm 3	35
15	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án.	Công nhóm 3	20

16	Xây dựng, đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực (ách tắc giao thông, áp lực đến hệ thống cấp điện, cấp nước,...) và phát triển các dịch vụ thương mại trong giai đoạn vận hành dự án	Công nhóm 2	20
17	Xây dựng, đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động đến kinh tế xã hội, an ninh trật tự khu vực trong giai đoạn vận hành dự án	Công nhóm 2	20
18	Xây dựng, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động gây ra bởi các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án	Công nhóm 2	20
3.5 Xây dựng chương trình quản lý, giám sát môi trường			
1	Xây dựng chương trình quản lý môi trường tổng hợp của dự án	Công nhóm 3	15
2	Xây dựng chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành của dự án	Công nhóm 3	15
3.6 Xây dựng báo cáo ĐTM tổng hợp và Báo cáo ĐTM tóm tắt			
1	Xây dựng Báo cáo ĐTM tổng hợp và Báo cáo ĐTM tóm tắt	Công nhóm 3	50
2	Chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo tổng hợp (Sau thẩm định)	Công nhóm 3	20
IV Chi phí khác			
4.1 Chi phí chạy mô hình			
-	Chi phí chạy mô hình lan truyền chất ô nhiễm với khí thải	Mô hình	01
-	Chi phí chạy mô hình lan truyền chất ô nhiễm với nước thải	Mô hình	01
4.2 Đưa Hội đồng đi kiểm tra thực tế			
-	Công tác phí cho cán bộ đưa hội đồng đi kiểm tra, khảo sát thực tế (3 người x 2 ngày)	ngày	06
-	Chi phí thuê phòng nghỉ (3 người x 1 đêm)	đêm	02
-	Thuê xe 16 chỗ	ngày	02
4.3	In ấn báo cáo	Trọn gói	01
4.4	Văn phòng phẩm các loại và chi khác	Bộ	01

2. Yêu cầu kỹ thuật

- Hồ sơ ĐTM phải được lập đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường;
- Nội dung hồ sơ phải phù hợp với quy mô, công suất, công nghệ và hiện trạng của dự án;
- Các số liệu, tài liệu và kết quả phân tích phải đảm bảo tính trung thực, khách quan và có căn cứ pháp lý;
- Hồ sơ ĐTM phải đủ điều kiện để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định hiện hành;
- Các mô hình môi trường sử dụng trong Báo cáo ĐTM phải phù hợp với quy định, hướng dẫn kỹ thuật hiện hành và được cơ quan thẩm định chấp thuận;
- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đến khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác và tính pháp lý của hồ sơ do mình thực hiện;

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với bên mời thầu trong suốt quá trình thẩm định hồ sơ cho đến khi Báo cáo ĐTM được phê duyệt.

3. Yêu cầu phối hợp thực hiện

a. Trách nhiệm của bên mời thầu

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan phục vụ công tác lập ĐTM;

- Phối hợp với nhà thầu trong quá trình khảo sát, làm việc và thẩm định hồ sơ.

b. Trách nhiệm của nhà thầu

- Chủ động phối hợp với bên mời thầu và các đơn vị liên quan;

- Bảo mật toàn bộ thông tin, dữ liệu, tài liệu liên quan đến dự án;

- Thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành;

- Không được chuyển nhượng hoặc giao khoán toàn bộ công việc cho bên thứ ba khi chưa được bên mời thầu chấp thuận bằng văn bản;

- Chủ động rà soát, cập nhật các yêu cầu pháp lý phát sinh trong quá trình thực hiện gói thầu;

- Bố trí đầy đủ nhân sự, thiết bị và điều kiện kỹ thuật phục vụ thực hiện gói thầu;

- Cam kết hồ sơ thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm về chất lượng hồ sơ do mình lập;

- Phối hợp với bên mời thầu trong suốt quá trình thẩm định cho đến khi Báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

14. 7/2014